TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2026.
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Văn Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đăng Văn Tâm và bà Nguyễn Thị Ly;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân khu vực 11 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - An Giang tham gia phiên toà: Không.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 475/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2026/QĐXX-ST ngày 09 tháng 01 năm 2026; giữa các đương sự;

1. *Nguyên đơn*: ông Võ Thanh T, sinh năm 1974, cư trú: tổ 9, ấp HT, xã CM, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn*: bà Mai Thị H, sinh năm 1973, cư trú: tổ 9, ấp HT, xã CM, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai nguyên đơn ông Võ Thanh T trình bày:

Ông và bà Mai Thị H chung sống với nhau vào năm 1992 tại địa chỉ: tổ 09, ấp HT, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang (tổ 09, ấp HT, xã CM, tỉnh An Giang) nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng sau đó ông, bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được và tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, do đó ông yêu cầu ly hôn với bà Mai Thị H; về con chung: ông và bà H có 02 con chung tên Võ Thị Mỹ H, sinh ngày 04/2/1993 và Võ Mạnh H, sinh năm 1999. Hiện các con đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn bà Mai Thị H trình bày:

Bà và ông Võ Thanh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 tại địa chỉ: tổ 09, ấp HT, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang (tổ 09, ấp HT, xã CM,

tỉnh An Giang) nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng tôi ngày càng trầm trọng, không thế tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân. Nay ông T yêu cầu ly hôn bà đồng ý; về con chung: ông và bà H có 02 con chung tên Võ Thị Mỹ H, sinh ngày 04/2/1993 và Võ Mạnh H, sinh năm 1999. Hiện các con đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Võ Thanh T xin ly hôn với bà Mai Thị H. Bà Mai Thị H có nơi cư trú tại ấp Hòa Thượng, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (tổ 09, ấp Hòa Thượng, xã Chợ Mới), tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Võ Thanh T xin ly hôn với bà Mai Thị H. Hội đồng xét xử xét, hôn nhân giữa ông, bà xác lập trên cơ sở tự nguyện tiến đến hôn nhân nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mặc dù cả hai có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn. Cho nên quan hệ hôn nhân giữa hai người không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, khi có yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn thì Tòa án không công nhận ông, bà là vợ chồng là phù hợp với Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về quan hệ con chung: Ông Võ Thanh T xin ly hôn với bà Mai Thị H xác định ông bà có 02 con chung tên Võ Thị Mỹ H, sinh ngày 04/02/1993 và Võ Mạnh H, sinh năm 1999. Do ông T, bà H xác định chị Võ Thị Mỹ H và anh Võ Mạnh H đã thành niên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5]. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Do các bên đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 14, 53Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Võ Thanh T và bà Mai Thị H là vợ chồng.

Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Võ Thanh T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0011392 do Thi hành án dân sự tỉnh An Giang cấp ngày 10 tháng 12 năm 2025. Ông Võ Thanh T đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND Khu vực 11 – An Giang;
-Phòng THA dân sự khu vực 11 – An Giang;
-Các đương sự;
-Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Dương